



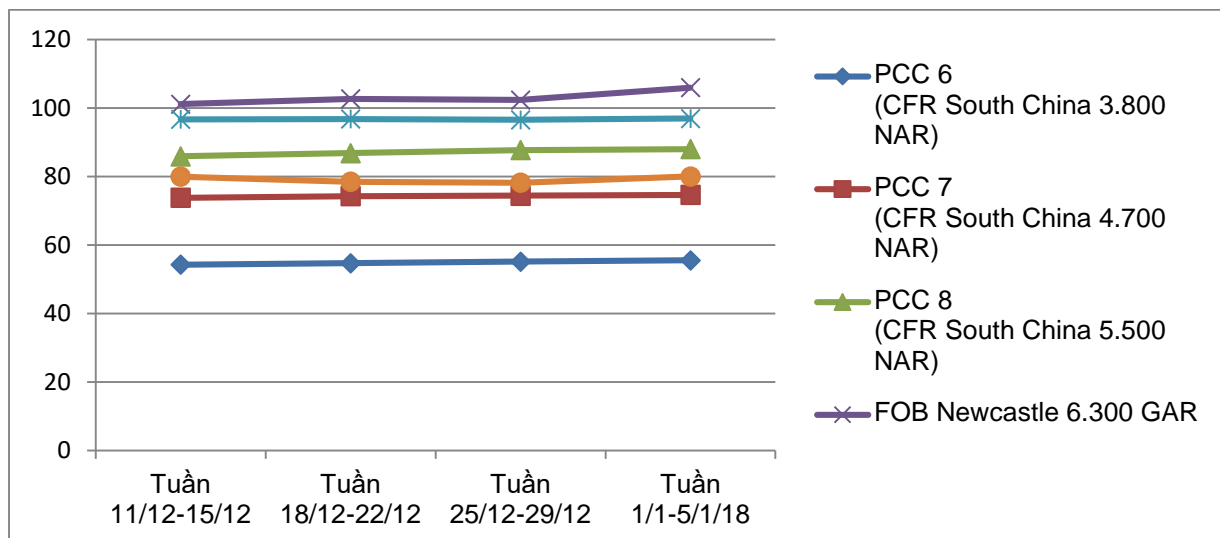
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN TUẦN 2 - THÁNG 1
 (Từ 08/01 – 12/01/2018)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 18/12-22/12	Tuần 25/12-29/12	Tuần 1/1-5/1/18	Tuần 8/1-12/1/18
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	54,66	55,13	55,49	56
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	74,24	74,40	74,60	75,79
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	86,82	87,70	87,98	90,55
FOB Newcastle 6,300 GAR	102,65	102,33	105,94	107,26
CIF ARA 6,000 NAR	96,76	96,55	96,93	96,15
FOB Richards Bay 5,500 NAR	78,44	78,15	80,00	80,94
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	104,14	103,91	104,9	106,16



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 1 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CUỘC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

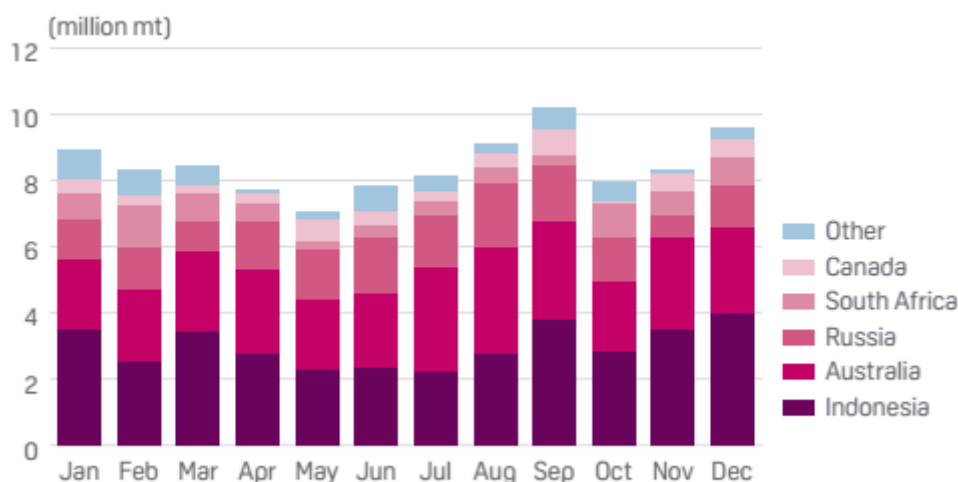
	Cước vận tải tuần 2 tháng 1	08/01	09/01	10/01	11/01	12/01
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	8,55	8,30	7,60	7,55	7,35
2	Queensland – Nhật Bản	9,20	8,95	8,25	8,20	8,00
3	New South Wales – Hàn Quốc	9,45	9,20	8,50	8,45	8,25
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,45	12,45	12,45	12,40	12,35
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,40	8,55	8,55	8,45	8,40
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,65	12,65	12,65	12,60	12,55
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,10	7,25	7,25	7,15	7,10
5	Úc - Trung Quốc	12,10	12,10	12,10	11,50	11,50
6	Úc - Ấn Độ	13,65	13,65	13,65	12,85	12,85

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Sản lượng than nhiệt nhập khẩu của Hàn Quốc trong tháng 12 tăng 15,5% so với tháng 11

SOUTH KOREA THERMAL COAL IMPORTS 2017



Source: Customs data

Sản lượng than nhiệt nhập khẩu của Hàn Quốc đã đạt tổng cộng 9,58 triệu tấn trong tháng 12, tăng 15,5% so với tháng trước đó nhưng giảm 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái – theo dữ liệu Hải quan. Trong đó than bitum đạt tổng cộng 8,83 triệu tấn và than sub – bitum đạt 755.446 tấn. Trong năm 2017, Hàn Quốc đã nhập khẩu tổng cộng 109,5 triệu tấn than nhiệt, tăng 17,7% so với năm 2016 và đạt mức sản lượng cả năm cao nhất kể từ năm 2012. Trong đó, khối lượng than bitum nhập khẩu đạt 99,74 triệu tấn, tăng 14,7% so với năm 2016, trong khi lượng than sub – bitum tăng 60% đạt 9,77 triệu tấn.

Indonesia là quốc gia xuất khẩu than lớn nhất đến Hàn Quốc với 41,19 triệu tấn, tăng 13% so với năm 2016. Australia là quốc gia lớn thứ 2 xuất khẩu than sang Hàn Quốc, vận chuyển 2,6 triệu tấn trong tháng 12, giảm 6% so với tháng trước đó nhưng lại tăng 9% so với cùng kỳ năm 2016, sản lượng xuất khẩu cả năm đạt 31,23 triệu tấn, tăng nhẹ so với năm 2016. Nga đứng thứ 3 trong các nước xuất khẩu than sang Hàn Quốc, vận chuyển 1,24 triệu tấn trong tháng 12, tăng 82% so với tháng trước, nhưng lại giảm 18% so với cùng kỳ năm trước đó, sản lượng xuất khẩu cả năm tăng 4% đạt 16,93 triệu tấn. Hàn Quốc nhập khẩu từ Nam Phi 850.994 tấn than trong tháng 12,

giảm 21% so với tháng 11, trong khi khối lượng nhập khẩu cả năm 2017 đạt 7,8 triệu tấn, gần gấp 4 lần sản lượng của năm 2016. Hàn Quốc nhập khẩu từ Mỹ 1,76 triệu tấn trong năm 2017, tăng 66% so với năm trước đó. Tổng sản lượng nhập khẩu từ Canada đạt 8,1 triệu tấn, gần gấp 5 lần so với năm 2016. Colombia xuất khẩu 3,77 triệu tấn sang Hàn Quốc trong năm 2017, hơn khoảng 50% so với năm 2016.

Lượng than dự trữ tại các NMNĐ của Trung Quốc tăng 1,3% so với tuần trước

Tổng lượng than dự trữ trong kho của 6 NMNĐ lớn của Trung Quốc ở phía Nam và phía Đông Trung Quốc đạt tổng cộng 10,51 triệu tấn trong tuần kết thúc hôm thứ 5 vừa qua, tăng 1,3% từ mức 10,38 triệu tấn 1 tuần trước đó, theo số liệu công bố từ cảng vụ Qinhuangdao. Các NMNĐ lớn bao gồm Zhejiang Power, Shanghai Power, Guodian, Datang, Huaneng, và Guangdong Power (Yudean). Lượng than dự trữ trong kho đủ dùng cho 14,48 ngày vận hành cho cả 6 NMNĐ, tăng 0,87 ngày từ mức 13,61 ngày thống kê 1 tuần trước đó. Lượng than tiêu thụ trung bình tại 6 NMNĐ ở mức 726.000 tấn/ngày, giảm 4,8% từ 1 tuần trước đó, theo dữ liệu từ cảng vụ. Thời tiết lạnh đã khiến lượng than tiêu thụ tại các NMNĐ tăng lên và lượng than dự trữ tại các NMNĐ giảm nhanh hơn, thời tiết lạnh dự báo sẽ tiếp tục kéo dài và lượng than tiêu thụ tại các NMNĐ trong tuần tới sẽ tăng cao.

Các NMNĐ Ấn Độ giảm nhập khẩu than nhiệt trong thời gian tháng 4 - tháng 7/2017

Các NMNĐ của Ấn Độ đã nhập khẩu 43,61 triệu tấn than nhiệt trong khoảng thời gian từ tháng 4 – tháng 12 năm 2017, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm 2016, theo dữ liệu từ Cơ quan Điện lực Trung ương của nước này thông báo hôm thứ 4 vừa qua. Khoảng 12,79 triệu tấn than nhập khẩu đã được phối trộn với than nội địa và 30,82 triệu tấn được dùng trực tiếp cho các NMNĐ sử dụng than nhập khẩu.

Trong tổng khối lượng than được phối trộn, 2,7 triệu tấn được nhập khẩu bởi 6 NMNĐ do nhà nước sở hữu và 10,09 triệu tấn được nhập khẩu bởi 14 NMNĐ tư nhân. Trong tổng khối lượng than được nhập khẩu để sử dụng trực tiếp, 950.000 tấn nhập khẩu cho các NMNĐ của nhà nước và 29,87 triệu tấn được nhập khẩu cho 10 NMNĐ tư nhân. 26 NMNĐ khác của Ấn Độ không nhập khẩu bất kỳ tấn than nào trong 9 tháng đầu năm tài chính 2017 -18 (bắt đầu từ tháng 4 năm trước đến tháng 3 năm sau). Adani Power nhập khẩu lượng than lớn nhất trong khoảng thời gian từ nêu trên với 9,89 triệu tấn than, tiếp theo là NMNĐ Mundra của Tata với 7,62 triệu tấn và JSW Energy đạt 3,05 triệu tấn. Dữ liệu cho thấy 4,82 triệu tấn than nhiệt được nhập khẩu bởi các NMNĐ trong tháng 12, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

(Nguồn: Platts)